TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2024
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được

2. Ông Huỳnh Văn Đương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lư Thị Thanh Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chổ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Lư Thị Thanh Th trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2016 chị và anh Nguyễn Văn T quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Mỹ , huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cải vả nhau những việc trong gia đình và do anh T hay uống rượu, đánh bạc vui chơi với bàn bè bên ngoài, không quan tâm chăm lo gia

đình, nhiều lần chị khuyên nhưng anh T không sửa đổi mà vô cớ có lời lẻ xúc phạm chị, mâu thuẫn gay gắt từ đầu năm 2023, chị đã tìm cách hoà thuận, hàn gắn cùng làm ăn nhưng không kết quả, đến khoảng tháng 06/2023 chị và anh T sống ly thân đến nay. Từ lúc sống riêng không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, chị Th xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung tên: Nguyễn Thị Thuý D, sinh ngày 21/11/2016, hiện anh T đang nuôi, chị đồng ý để anh T nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T cho rằng số tiền 330.000.000 đồng là tài sản chung, yêu cầu chia đôi; chị không đồng ý, lý do số tiền 330.000.000 đồng là tài sản riêng của chị do chị chuyển nhượng đất cho người khác mà thửa đất này chị được cha mẹ tặng cho riêng nên chị không đặt ra không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T cho rằng có nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông , ông T nhưng chị xác định chị không biết ông , ông T và không có nợ nên chị không đặt ra không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Chị Thuý không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết bị đơn Nguyễn Văn T có lời khai như sau:

- Về hôn nhân giữa anh và chị Th chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn cải vả không hòa thuận được nên đã ly thân nhưng anh thấy còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên toà trong phần hỏi anh T đồng ý ly hôn với chị Th nhưng khi tranh luận anh T không đồng ý ly hôn do chưa giải quyết xong về tài sản và nợ chung giữa anh và chị Th.

- Về nuôi con tên Nguyễn Thị Thuý D, sinh ngày 21/11/2016 anh yêu cầu được nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T cho rằng tài sản chung gồm số tiền 330.000.000 đồng do chị Th quản lý, yêu cầu chia đôi và cho rằng anh và chị Th có nợ ông Hà Văn C số tiền 280.000.000 đồng, nợ ông T số tiền 60.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi nợ để trả. Anh T thừa nhận gia đình anh có nhận được thông báo của Toà án về việc yêu cầu khởi kiện và cung cấp thông tin có báo cho anh biết nhưng anh không đọc nội dung thông báo nên không biết việc yêu cầu chia tài sản phải nộp tiền tạm ứng án phí và cung cấp thông tin người liên quan nên yêu cầu Hội đồng xem xét giải quyết chia tài sản và nợ giữa anh và chị Th.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên

họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và phía bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Th; Về hôn nhân cho chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung tên Nguyễn Thị Thuý D, sinh ngày 21/11/2016 đề nghị giao anh T được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con; về cấp dưỡng nuôi con chị Th và anh T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét; về tài sản và nợ chung anh T có nộp văn bản yêu cầu giải quyết nhưng anh không thực hiện đúng thủ tục yêu cầu khởi kiện, không cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản nợ nên đề nghị không xem xét; Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Lư Thị Thanh Th tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Nguyễn Văn T; địa chỉ ấp C, xã H, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lư Thị Thanh Th và Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị Th và anh T là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Th khai trong quá trình chung sống giữa chị và anh T mâu thuẫn bất hòa với nhau về cách ứng xử, anh T thay đổi tính tình không quan tâm, chăm lo gia đình, chị nhiều lần khuyên nhưng anh T không quan tâm, không sửa đổi tính tình nên chị và anh T sống riêng. Trong thời gian sống riêng chị và anh T không bên nào tạo điều kiện hàn gắn lại, chị Th xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cung cấp lời khai và trình bày tại phiên hoà giải anh thừa nhận giữa anh và chị Th có mâu thuẫn, đã sống ly thân nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn, không hoà thuận được đã sống riêng, từ khi sống riêng giữa anh

chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Th yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh . Phía anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để tạo điều kiện hàn gắn, tại phiên hoà giải anh tự ý bỏ về, tại phiên toà anh không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết chia tài sản và nợ chung với chị Th nên xét thấy anh không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[3] Về quyền nuôi con: Giữa chị Th và anh T có một người con tên Nguyễn Thị Thuý D, sinh ngày 21/11/2016, hiện anh T đang nuôi. Cháu D có nguyện vọng sống chung với anh T.

Quá trình giải quyết chị Th đồng ý để anh T được quyền nuôi con, theo nguyện vọng của con; anh T đồng ý nuôi con. Các bên không không đặt ra tranh chấp nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con tên Nguyễn Thị Thuý D cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con theo nguyện vọng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung:

Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị Th không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết.

Phía anh T cho rằng tài sản chung gồm số tiền 330.000.000 đồng do chị Th quản lý, yêu cầu chia đôi. Về nợ chung anh T cho rằng có nợ ông Hà Văn số tiền 280.000.000 đồng, nợ ông T số tiền 60.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi nợ để trả.

Đối với yêu cầu chia tài sản và nợ chung này anh T đã được Toà án thông báo hướng dẫn thủ tục cần phải nộp đơn yêu cầu giải quyết và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định để đảm bảo yêu cầu của mình và cung cấp rõ thông tin về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là họ tên, địa chỉ của các chủ nợ, các tài liệu chứng cứ kèm theo nếu có nhưng anh không thực hiện thủ tục này. Tại phiên toà anh yêu cầu giải quyết chia tài sản và nợ chung đối với chị Th vì cho rằng không biết nội dung Toà án đã thông báo nên không thực hiện.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị Th không tranh chấp chia tài sản, nợ chung; phía anh T có yêu cầu chia tài sản, nợ chung nhưng anh không nộp đơn yêu cầu giải quyết, không thực hiện thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí, không cung cấp rõ thông tin về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định nên

không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu chia tài sản, nợ chung của anh với chị Th như anh yêu cầu.

Anh T có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác về tranh chấp chia tài sản khi có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Lư Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lư Thị Thanh Th.

- Về hôn nhân: Cho chị Lư Thị Thanh Th ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về quyền nuôi con: Giao anh Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Thuý D, sinh ngày 21/11/2016.

Chị Lư Thị Thanh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Th không tranh chấp, không khởi kiện; anh T yêu cầu xem xét chia tài sản và nợ chung nhưng anh T không thực hiện thủ tục tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lư Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001030 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Th đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa